

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HS-ST
Ngày 26-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hồng Khánh
Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn T**, sinh ngày 15/7/1993 tại Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Không xác định, mẹ là bà Trần Thị T; có vợ và 01 con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 20/03/2018, tạm giam ngày 26/3/2018, có mặt.

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Số 06 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Trần Công H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

4. Ông Trần N, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3. Ông Lê Huy C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

4. Ông Trần Công T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

5. Ông Trần Minh S, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cho rằng quá trình chơi đánh bạc đã bị Nguyễn Văn T và Trần Công H chơi gian làm mình bị thua hết số tiền 1.500.000 đồng nên Trần Văn T nảy sinh ý định sẽ tìm Nguyễn Văn T và H để đòi lại tiền. Vào khoảng 12 giờ ngày 20/02/2018, Trần Văn T điều khiển xe mô tô Yamaha hiệu Jupiter biển số 43H7-7499 chạy đến quán tạp hóa của bà Trần Thị N ở thôn H, xã H, huyện H gặp Nguyễn Văn T. Tại đây, Trần Văn T yêu cầu Nguyễn Văn T trả tiền nhưng Nguyễn Văn T không trả nên Trần Văn T quay ra xe mô tô dựng bên ngoài, mở cốp xe lấy 01 con dao rồi xông vào vị trí của Nguyễn Văn T đang ngồi, dùng tay nắm cổ áo và kề dao vào vai Nguyễn Văn T, kéo Nguyễn Văn T ra khỏi quán. Khi kéo Nguyễn Văn T ra khỏi quán thì Trần Văn T cầm dao vung lên xuống, qua lại và nói với Nguyễn Văn T đưa tiền, vì quá hoảng sợ nên Nguyễn Văn T đã đưa cho Trần Văn T số tiền 400.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt số tiền nêu trên, Trần Văn T điều khiển xe mô tô chạy về nhà mình. Đến 16 giờ cùng ngày, Trần Văn T tiếp tục sử dụng xe mô tô trên chạy đến nhà của ông Trần Công H ở thôn H, xã H với mục đích đòi tiền ông H. Đến nhà

của ông H thì lúc này ông H không có ở nhà mà chỉ có vợ là bà Huỳnh Thị H. Do nghĩ rằng chồng mình nợ Trần Văn T tiền nên bà H đã đưa cho Trần Văn T số tiền 1.000.000 đồng.

Tang tài vật tạm giữ: 01 con dao dài 49cm, lưỡi bằng kim loại dài 35,5cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm; 01 tấm vải màu hồng có hình dạng như chiếc áo; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3 màu hồng trắng; số tiền 157.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T; và số tiền 400.000 đồng do Trần Văn T giao nộp.

Về xử lý tang vật và trách nhiệm dân sự: Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3 màu hồng trắng, số tiền 157.000 đồng và giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T là tài sản cá nhân của Trần Văn T và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần Văn T; người bị hại Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường, không nhận lại số tiền 400.000 đồng; đối với số tiền 1.000.000 đồng Trần Văn T lấy của bà H, quá trình điều tra bà H khai nhận đã cho số tiền này cho Trần Văn T và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSNDHV ngày 27/7/2018, VKSND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "*Cướp tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn T từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

- Về xử lý tang vật: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng; tịch thu tiêu hủy con dao dài 49cm, lưỡi bằng kim loại dài 35,5cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm và 01 tấm vải màu hồng có hình dạng như chiếc áo.

Bị cáo thống nhất tội danh, điều luật áp dụng và không tranh luận.

Bà Trần Thị T ý kiến: Không nhận lại con dao và tấm vải màu hồng mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi người bị hại và hối hận về hành vi của mình, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để bị cáo sớm về với gia đình, cố gắng lao động để nuôi mẹ và con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về xác định tội phạm:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Do nghi ngờ các ông Nguyễn Văn T và Trần Công H chơi đánh xóc đĩa có gian lận, làm mình thua tiền nên vào khoảng 12 giờ ngày 20/02/2018, Trần Văn T đến quán tạp hóa của bà Trần Thị N ở thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, dùng tay trái nắm cổ áo ông Nguyễn Văn T kéo ra khỏi quán, đồng thời tay phải cầm dao kề vào vai rồi sau đó cầm dao vung lên xuống, đưa qua lại và buộc ông Nguyễn Văn T đưa tiền, vì quá sợ nguy hiểm đến tính mạng nên ông Nguyễn Văn T đã đưa cho Trần Văn T số tiền 400.000 đồng.

Hành vi của Trần Văn T đã phạm vào tội "*Cướp tài sản*" với tình tiết tăng nặng hình khung hình phạt là “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đã truy tố cũng như quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về đánh giá tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trần Văn T thực hiện tội phạm là rất nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi phạm tội có mức độ, ý định nảy sinh tức thời. Ý thức của bị cáo là đòi lại tiền thua đánh bạc do nghi ngờ bị đánh bạc gian lận.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội đã nộp lại số tiền 400.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo không có cha, được mẹ nuôi dưỡng từ nhỏ, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Xét mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình cũng như đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên đối với bị cáo, HĐXX áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp của khung hình phạt đối với bị cáo cũng thỏa đáng.

[3] Về xử lý tang vật và trách nhiệm dân sự.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3 màu hồng trắng, số tiền 157.000 đồng và giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T là tài sản cá nhân của Trần Văn T và không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần Văn T là phù hợp nên HĐXX không đề cập.

Quá trình điều tra, truy tố, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường và không nhận lại số tiền 400.000 đồng (do bị cáo nộp để trả lại cho người bị hại). Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt người bị hại chỉ trở ngại cho việc giải quyết yêu cầu bồi thường (nếu có yêu cầu) nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên tách việc bồi thường để xét xử sau theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 400.000 đồng nêu trên, đây là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với con dao dài 49cm, lưỡi bằng kim loại dài 35,5cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm và 01 tấm vải màu hồng có hình dạng như chiếc áo thuộc sở hữu của bà Trần Thị T, tại phiên tòa bà T không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang, Điều tra viên, VKSND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với hành vi đến nhà ông Trần Công H đòi lại tiền của Trần Văn T, bà Huỳnh Thị H (vợ ông H) cho rằng bà không bị Trần Văn T đe dọa và tự nguyện đưa cho Trần Văn T số tiền 1.000.000 đồng, bà H không yêu cầu bồi thường, khiếu nại nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 20/03/2018.

2. Về xử lý tang vật: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng); tịch thu tiêu hủy con dao dài 49cm, lưỡi bằng kim loại dài 35,5cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm và 01 tấm vải màu hồng có hình dạng như chiếc áo.

(Tang vật nêu trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang đang tạm giữ theo biên lai thu số 005828 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang và biên bản giao, nhận vật chứng cùng ngày 31/7/2018 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang và Công an huyện Hòa Vang)

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bà Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/9/2018. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an h. Hòa Vang;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan Thi hành án dân sự h. Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn